

ẨN DỤ Ý NIỆM TRONG BÀI HÁT CHÍNH THỨC CỦA PHIM MƯA ĐỎ

Đặng Thị Thanh Hương¹
Email: dtthuong.khoann@uneti.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 12/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 10/11/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 24/11/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1010

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát việc sử dụng ẩn dụ ý niệm trong ca khúc *Còn Gì Đẹp Hơn*, nhạc phim chính thức của bộ phim chiến tranh Việt Nam *Mưa Đỏ*. Dựa trên Lý thuyết Ẩn dụ Ý niệm (Lakoff & Johnson, 1980) và các mở rộng của Kövecses (2006, 2010) về tính hiện thân, văn hóa và ngữ cảnh, bài viết phân tích cách ca từ khái niệm hóa các chủ đề: chiến tranh, hy sinh, hòa bình và cuộc sống thông qua ánh xạ ẩn dụ. Dữ liệu là lời ca đã được xác thực và phân dòng. Quy trình Nhận diện Ẩn dụ (Group, 2007) được sử dụng để phát hiện, phân loại và diễn giải ẩn dụ trong bối cảnh văn hóa - lịch sử Việt Nam. Phân tích cho thấy bốn ẩn dụ ý niệm nổi bật: Chiến tranh là hành trình, hy sinh là gieo hạt, hòa bình là ánh sáng và cuộc đời là bài hát. Những ẩn dụ này kết hợp giữa sơ đồ hiện thân phổ quát (chuyển động, tri giác, nông nghiệp, âm thanh) và mô hình văn hóa đặc thù như đời sống nông nghiệp, tính cộng đồng và đạo hiếu. Ca khúc vì vậy trở thành diễn ngôn mang tính biểu tượng, tái cấu trúc mát mát cá nhân thành ký ức tập thể về hy vọng và tái sinh dân tộc. So sánh với các nghiên cứu trước, bài viết vừa kế thừa hình tượng mẹ và thiên nhiên, vừa mở rộng bằng ẩn dụ hành trình và âm nhạc. Nghiên cứu khẳng định vai trò của nhạc phim chiến tranh như phương tiện kiến tạo bản sắc và lưu giữ ký ức văn hóa.

Từ khóa: ẩn dụ ý niệm, phim chiến tranh Việt Nam, nhạc phim, *Còn Gì Đẹp Hơn*, *Mưa Đỏ*

I. Giới thiệu

Theo Lakoff và Johnson (1980), ẩn dụ không chỉ là biện pháp tu từ trang trí mà là một hệ thống tư duy nền tảng, nơi các khái niệm trừu tượng được hiểu thông qua ánh xạ từ những trải nghiệm hiện thân. Quan điểm này đặt nền móng cho Lý thuyết Ẩn dụ Ý niệm (CMT), từ

đó lan tỏa sang nhiều lĩnh vực như văn học, chính trị và âm nhạc. Kövecses (2006, 2010) mở rộng lý thuyết này bằng cách nhấn mạnh vai trò của nghiệm thân, bối cảnh văn hóa và sự biến đổi theo ngữ cảnh. Âm nhạc, với đặc trưng cô đọng cảm xúc cá nhân và ký ức tập thể qua ca từ, là lĩnh vực giàu tiềm năng cho phân tích ẩn dụ.

¹ Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp

Tuy nhiên, nhạc phim chiến tranh - nơi nghệ thuật giao thoa với ký ức và ý thức hệ - vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Bài viết này nhằm lấp khoảng trống đó bằng cách phân tích ẩn dụ ý niệm trong ca khúc Còn Gì Đẹp Hơn (nhạc phim Mùa Đỏ) theo khung lý thuyết CMT và các bổ sung từ Kövecses, với hai mục tiêu chính:

- Phân tích cách thức hình thành và cấu trúc của các ẩn dụ trong ca từ.
- Diễn giải ý nghĩa văn hóa trong mối liên hệ với trải nghiệm chiến tranh Việt Nam.

II. Khung lý thuyết

2.1. Lý thuyết Ẩn dụ Ý niệm (Lakoff & Johnson, 1980)

Lakoff và Johnson (1980) trong tác phẩm *Metaphors We Live By* đã đặt nền móng cho Lý thuyết Ẩn dụ Ý niệm (CMT), xem ẩn dụ là phương tiện nhận thức giúp con người hiểu các khái niệm trừu tượng (miền đích) thông qua trải nghiệm cụ thể, mang tính hiện thân (miền nguồn). Ẩn dụ là sự ánh xạ xuyên miền, như trong ẩn dụ *Cuộc đời là hành trình*, các yếu tố đời sống được hiểu qua hành trình (đích đến, chướng ngại, ngã rẽ...). CMT cho rằng ẩn dụ không chỉ là biện pháp tu từ mà là cấu trúc tư duy sâu sắc, phổ biến trong ngôn ngữ, văn học, âm nhạc và đời sống văn hóa.

2.2. Góc nhìn văn hóa (Kövecses, 2006, 2010)

Mở rộng CMT, Kövecses (2006, 2010) nhấn mạnh vai trò của ba yếu tố:

- Tính nghiệm thân: Ẩn dụ bắt nguồn từ trải nghiệm cơ thể và giác quan.
- Sự neo đậu văn hóa: Miền nguồn chịu ảnh hưởng bởi mô hình văn hóa đặc thù.
- Biến thể ngữ cảnh: Nghĩa và chức năng ẩn dụ thay đổi theo tình huống diễn ngôn.

Ông cũng phân biệt giữa ẩn dụ phổ quát và ẩn dụ gắn với bản sắc văn hóa - lịch sử, từ đó khẳng định ẩn dụ cần được phân tích trong mối tương tác giữa tri nhận hiện thân, văn hóa và ngữ cảnh sử dụng.

2.3. Tình hình nghiên cứu

Nguyễn (2009) nghiên cứu ẩn dụ tri nhận theo mô hình ẩn dụ cấu trúc nhằm làm rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy, khẳng định ẩn dụ là cơ chế nhận thức giúp con người hiểu thế giới. Trên cứ liệu ca từ Trịnh Công Sơn, tác giả phân tích hai ẩn dụ tiêu biểu: *Đời người là đóa hoa vô thường* và *Cuộc đời là một cõi đi về*, qua đó cho thấy tư duy nghệ sĩ mang tính biện chứng, biến “vô thường” thành “thường hằng”.

Nguyễn (2014) tập trung vào ẩn dụ định hướng *Buồn là hướng xuống*, chứng minh rằng cảm xúc buồn trong nhạc Trịnh bắt nguồn từ kinh nghiệm sinh lý và văn hóa Việt, phản ánh sự giao thoa giữa Phật giáo, Thiên Chúa giáo và triết học hiện sinh. Những công trình này góp phần khẳng định ẩn dụ tri nhận là cầu nối giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy.

Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào xem xét ẩn dụ ý niệm trong bối cảnh điện ảnh, nơi ngôn từ và hình ảnh cùng kiến tạo ý nghĩa. Vì vậy, đề tài “Ẩn dụ ý niệm trong bài hát chính thức của phim Mùa Đỏ” được thực hiện nhằm bổ sung khoảng trống đó, làm rõ cách ẩn dụ thể hiện thế giới quan và tinh thần nhân văn Việt Nam thời chiến.

III. Phương pháp luận

3.1. Dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng lời bài hát Còn Gì Đẹp Hơn - nhạc phim chính thức của bộ phim chiến tranh Việt Nam Mùa Đỏ, do Nguyễn Hùng sáng tác và trình bày.

Ca khúc mang tính biểu tượng về mặt văn hóa và tư tưởng, phản ánh ký ức tập thể và bản sắc dân tộc qua chất liệu ngôn ngữ ẩn dụ đậm đặc. Giới hạn văn bản rõ ràng và phong phú về biểu thức khiến nó phù hợp cho phân tích theo khung ẩn dụ ý niệm. Văn bản được trích xuất từ bản phát hành chính thức trên YouTube (kiểm tra ngày 27/7/2025) và được xác minh ngôn ngữ bởi tác giả. Lời ca được chia theo từng dòng (1-90) để phục vụ cho việc nhận diện và phân tích ẩn dụ ý niệm liên quan đến chiến tranh, hy sinh và hòa bình.

3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Dựa trên Lý thuyết Ẩn dụ Ý niệm (Lakoff & Johnson, 1980) và những mở rộng của Kövecses (2006, 2010), bài viết đặt ra câu hỏi:

Những ẩn dụ ý niệm trong ca từ Còn Gì Đẹp Hơn (nhạc phim Mưa Đỏ) được hình thành và cấu trúc như thế nào theo Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm của Lakoff & Johnson (1980) và quan điểm của Kövecses (2006, 2010) về tính nghiệm thân, sự gắn kết văn hóa và biến thể ngữ cảnh?

3.3. Thu thập và phân tích dữ liệu

Phương pháp định tính được triển khai qua ba bước:

(1) Nhận diện ẩn dụ: Áp dụng Phương pháp Nhận diện Ẩn dụ (MIP) của nhóm Group (2007), xác định các biểu thức có sự khác biệt giữa nghĩa cơ bản và nghĩa trong ngữ cảnh.

(2) Phân loại ẩn dụ ý niệm: Các biểu thức ẩn dụ được nhóm vào các ẩn dụ ý niệm rộng hơn như *chiến tranh là hành trình, hy sinh là gieo trồng*,... theo mô hình ánh xạ giữa miền nguồn - miền đích.

(3) Diễn giải lý thuyết: Các ẩn dụ được phân tích theo ba trục: nghiệm thân, văn hóa và ngữ cảnh (Kövecses, 2006, 2010). Sự phân biệt giữa ẩn dụ phổ quát *Hòa bình là ánh sáng* và ẩn dụ đặc thù văn hóa *Hy sinh là gieo trồng* giúp làm rõ chiều sâu văn hóa - lịch sử Việt Nam trong ca từ chiến tranh.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Sự hình thành ẩn dụ ý niệm trong bài hát Còn gì đẹp hơn

● Chiến tranh là hành trình

Lời hát “Vừa tròn đôi mươi, hành trang ra đi...” khởi tạo ẩn dụ *Chiến tranh là hành trình*, kích hoạt sơ đồ *Nguồn-đường đi-đích* (Lakoff & Johnson, 1980), nơi người lính ra đi với hành trang tinh thần là nỗi nhớ và hy vọng hòa bình. Câu “Đường về xa xôi sau cơn mưa rồi...” tiếp tục mở rộng hành trình này, gợi hình ảnh con đường trở về gian khó và bất định-ẩn dụ cho hậu quả chiến tranh và sự đứt gãy của sự sống (Kövecses, 2006). Dưới góc nhìn ngữ cảnh (Kövecses, 2010), chiến tranh trong ca khúc không phải là cuộc phiêu lưu cá nhân mà là hành trình tập thể vì mục tiêu giải phóng, nơi đau thương được tái cấu trúc thành tiến trình lịch sử mang tính dân tộc.

Bảng 1. Ánh xạ ẩn dụ ý niệm: Chiến tranh là hòa bình

Miền nguồn: Hành trình	Miền đích: Chiến tranh	Dẫn chứng ca từ	Lý giải
Con đường của hành trình	Tiến trình ra trận	“Đường về xa xôi sau cơn mưa rồi, tôi trẻ hèn thật rồi” (Lời 2)	Chiến trường và đường trở về được miêu tả như một con đường thực, phản ánh sự bất định của sự sống còn.
Hành trang (tư trang ít ỏi) của người lữ hành	Nhập ngũ với ít của cải vật chất nhưng giàu tình cảm	“Vừa tròn đôi mươi, hành trang ra đi đâu có gì ngoài nụ cười” (Lời 1)	Người lính ra đi khi còn trẻ, nghèo về vật chất nhưng giàu hy vọng và gắn kết tình cảm.

Miền nguồn: Hành trình	Miền đích: Chiến tranh	Dẫn chứng ca từ	Lý giải
Những chướng ngại trên hành trình	Gian khổ và mất mát trong chiến tranh	“Con mưa rơi” (Lời 2)	Những trở ngại tự nhiên được hiểu là hiểm nguy và gian khổ của chiến tranh.
Sự khởi hành của hành trình	Rời nhà, nhập ngũ	“Hành trang ra đi” (Lời 1)	Hành động ra đi tượng trưng cho sự khởi đầu của hành trình chiến tranh.
Sự trở về của hành trình	Hy vọng sống sót và đoàn tụ sau chiến tranh	“Đường về xa xôi” (Lời 2)	Trở về nhà được hình dung như một con đường dài và gian nan, biểu trưng cho cả khoảng cách vật lý lẫn sự bất định về sống còn.
Đích đến của hành trình	Hòa bình và độc lập dân tộc trong chiến tranh	“Chờ ngày bình yên” (Lời 1)	Điểm cuối của hành trình tượng trưng cho mục tiêu chung là giải phóng và hòa bình.

• Hy sinh là gieo trồng

Điệp khúc “Đem thanh xuân gieo tự do cho đất nước” thể hiện ẩn dụ *Hy sinh là gieo trồng*, trong đó tuổi trẻ được hình dung như hạt giống gieo xuống để gặt lấy tự do. Ánh xạ này kết hợp tính nghiêm thân (gieo là hành động vật chất cụ thể) với

nền tảng văn hóa nông nghiệp Việt Nam (Kövecses, 2006). Theo Kövecses (2010), ẩn dụ phổ quát thường được mở rộng theo đặc thù văn hóa-ở đây, khuôn mẫu gieo trồng bảo đảm rằng hy sinh được hiểu như sự sinh sôi, hướng đến “mùa gặt” độc lập và tái sinh dân tộc.

Bảng 2. Ánh xạ ẩn dụ ý niệm: *Hy sinh là gieo trồng*

Miền nguồn: Gieo trồng	Miền đích: Hy sinh	Dẫn chứng ca từ	Diễn giải
Hạt giống trong gieo trồng	Tuổi trẻ / tuổi xuân	“Đem thanh xuân gieo tự do cho đất nước” (Điệp khúc)	Sức sống tuổi trẻ được ví von như những hạt giống gieo xuống cho mùa gặt tự do trong tương lai.
Hành động gieo trồng	Hành động hy sinh	“gieo” (Điệp khúc)	Hy sinh được ý niệm hoá như hành động cố ý gieo một điều quý giá vào mảnh đất của Tổ quốc.
Đất để gieo trồng	Quê hương / đất nước	Hàm ý trong “cho đất nước” (Điệp khúc)	Đất nước được ví như mảnh đất nơi những hy sinh được gieo xuống.
Mùa gặt sau khi gieo	Độc lập và tự do dân tộc	Hàm ý trong kết quả của “gieo tự do” (Điệp khúc)	Hy sinh không phải vô ích mà tạo ra “mùa gặt” của tự do cho cộng đồng.
Lao động nông nghiệp trong gieo trồng	Đấu tranh, gian khổ trong chiến tranh	Ẩn chứa trong hình ảnh gieo trồng	Hy sinh là một sự nỗ lực giống như lao động nông nghiệp, cần kiên nhẫn trước khi gặt hái thành quả.

• Hòa bình là ánh sáng

Câu hát “Có nhớ không, bầu trời rực hồng / Trên cánh đồng, từng ngọn lúa đang mùa trở bông” (Lời 1) thể hiện ẩn dụ *Hòa bình là ánh sáng*, đặt trên trải nghiệm hiện thân phổ quát: ánh sáng gắn liền với an toàn và hy vọng (Lakoff & Johnson, 1980). Theo Kövecses (2006), ẩn dụ này

kết hợp giữa hiện thân và văn hóa-hình ảnh bầu trời rực sáng, lúa trở bông gắn chặt với đời sống nông nghiệp Việt Nam. Trong bối cảnh chiến tranh, ánh sáng trở thành biểu tượng của hòa bình và chiến thắng, mang tính nổi bật theo ngữ cảnh (Kövecses, 2010).

Bảng 3. *Ánh xạ ẩn dụ ý niệm: Hòa bình là ánh sáng*

Miền nguồn: Ánh sáng	Miền đích: Hòa bình	Dẫn chứng ca từ	Diễn giải
Ánh sáng / Sự rực rỡ	Hòa bình như niềm hy vọng và sự an toàn	“Có nhớ không, bầu trời rực hồng” (Lời 1)	Bầu trời rực sáng tượng trưng cho hòa bình như ánh sáng, đại diện cho hy vọng và sự an toàn.
Bình minh / Ngày mới	Khởi đầu của hòa bình sau chiến tranh	Hàm ý trong hình ảnh bầu trời rực rỡ	Ánh sáng bình minh đánh dấu chiến thắng lịch sử của hòa bình sau tàn phá chiến tranh.
Cánh đồng trổ bông	Thành quả của hòa bình / sự ổn định	“Trên cánh đồng, từng ngọn lúa đang mùa trổ bông” (Lời 1)	Hòa bình được ẩn dụ như một cánh đồng phì nhiêu, gợi sự thịnh vượng và tái sinh.
Bầu không khí rực sáng	Sự thanh thản tập thể và tái sinh dân tộc	Hình ảnh rực rỡ bao trùm toàn khổ thơ	Hòa bình được cảm nhận như một nguồn sáng chung cho cả cộng đồng.

● Cuộc đời là một bài hát

Câu hát mở đầu “Có những tiếng hát tôi muốn đem cho đời/Mà làm môi không nên lời” (Lời 1) thể hiện ẩn dụ Cuộc đời là một bài hát, nơi cuộc sống và khát vọng được hình dung như một giai điệu-có khúc cất lên, có đoạn dang dở. Theo Lakoff và Johnson (1980), ánh xạ này giúp khái niệm

hóa trải nghiệm phù du qua hành vi quen thuộc như ca hát. Trong khi đó, Kövecses (2006) xem giọng hát là miền nghiệm thân, còn âm nhạc, trong văn hóa Việt, là nơi lưu giữ ký ức và cảm xúc. Dưới góc nhìn biến thể ngữ cảnh (Kövecses, 2010), *lời ca bỏ dở* tượng trưng cho tuổi trẻ hy sinh, nhưng vẫn hòa vào bản giao hưởng ký ức cộng đồng.

Bảng 4. *Ánh xạ ẩn dụ ý niệm: Cuộc đời là một bài hát*

Miền nguồn: Bài hát	Miền đích: Cuộc đời	Dẫn chứng ca từ	Diễn giải
Bài hát / Giai điệu	Cuộc đời và khát vọng	“Có những tiếng hát tôi muốn đem cho đời” (Lời 1)	Cuộc đời được hiểu như một bài hát có thể dâng tặng cho người khác, biểu trưng cho hy vọng và sự cống hiến.
Lời ca dang dở	Ước mơ chưa thành / cuộc đời bị gián đoạn	“Mà làm môi không nên lời” (Lời 1)	Những câu hát dang dở tượng trưng cho sự ngăn ngại của cuộc đời và sự mất mát tất nhiên do chiến tranh.
Hòa âm	Ký ức của dân tộc	Hàm ý xuyên suốt bài hát	Mỗi cuộc đời cá nhân tạo nên một phần của bản hòa âm dân tộc, ngay cả khi bị dang dở.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các ẩn dụ ý niệm trong *Còn Gì Đẹp Hơn* không chỉ phản ánh những sơ đồ phổ quát mà còn đậm dấu ấn văn hóa từ trải nghiệm chiến tranh Việt Nam. Ẩn dụ *Chiến tranh là hành trình* khắc họa hành trình tập thể của dân tộc hướng tới hòa bình, trong khi *Hy sinh là gieo trồng* xuất phát từ văn hóa nông nghiệp, hình dung sự mất mát như hành vi sản sinh mùa gặt tự do. *Hòa bình là ánh sáng* biểu tượng hóa khát vọng hồi sinh sau chiến tranh, còn *Cuộc đời là một*

bài hát khẳng định vai trò của âm nhạc như kho lưu giữ ký ức và bản sắc.

So với các nghiên cứu trước về ẩn dụ tri nhận trong ca từ Trịnh Công Sơn, kết quả phân tích bài hát “Còn gì đẹp hơn” cho thấy sự kế thừa và mở rộng đáng kể trong hướng tiếp cận ẩn dụ ý niệm. Nếu Nguyễn (2009) và các nghiên cứu trước đó chủ yếu khám phá ẩn dụ cấu trúc và định hướng thể hiện thế giới quan triết học và nỗi buồn hiện sinh của Trịnh Công Sơn, thì nghiên cứu hiện tại đã mở rộng phạm

vi sang ngữ cảnh điện ảnh, nơi ngôn từ và hình ảnh cùng tham gia kiến tạo ý nghĩa.

Bốn ẩn dụ ý niệm được xác lập - *Chiến tranh là hành trình, Hy sinh là gieo trồng, Hòa bình là ánh sáng, và Cuộc đời là một bài hát* - không chỉ duy trì nền tảng nghiệm thân phổ quát (Lakoff & Johnson, 1980) mà còn được Việt hóa sâu sắc qua trải nghiệm chiến tranh và văn hóa nông nghiệp. Điều này khẳng định luận điểm của Kövecses (2010) rằng ẩn dụ vừa mang tính phổ quát vừa mang tính đặc thù văn hóa.

Như vậy, trong khi các công trình trước nhấn mạnh ẩn dụ như phương tiện nhận thức triết học, thì nghiên cứu này chứng minh rằng ẩn dụ còn là công cụ tái hiện ký ức tập thể và cảm thức lịch sử của người Việt trong điện ảnh. Sự xuất hiện của các ẩn dụ gắn với hành trình, gieo trồng, ánh sáng và âm nhạc cho thấy một chuyển dịch từ cái bi cảm cá nhân sang ý niệm cộng đồng, từ “vô thường” của thân phận sang “hòa bình” của dân tộc - mở rộng chiều sâu nhân văn trong diễn ngôn nghệ thuật về chiến tranh và hòa bình.

Tóm lại, *Còn Gì Đẹp Hơn* vừa kế thừa vừa mở rộng các mô hình ẩn dụ quen thuộc trong diễn ngôn văn hóa Việt Nam. Bằng việc kết nối hình tượng mẹ, thiên nhiên và nông nghiệp với các ẩn dụ hành trình và bài hát, ca khúc góp phần kiến tạo một bản tường thuật tập thể - nơi hy sinh cá nhân hòa vào dòng chảy lịch sử và bản sắc dân tộc.

V. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định rằng các ẩn dụ ý niệm trong bài hát “Còn gì đẹp hơn” không chỉ phản ánh sơ đồ nhận thức phổ quát mà còn mang đậm dấu ấn văn hóa và lịch sử Việt Nam thời chiến. Thông qua bốn ẩn dụ chính - *Chiến tranh là hành*

trình, Hy sinh là gieo trồng, Hòa bình là ánh sáng và Cuộc đời là một bài hát - ca khúc tái hiện hành trình đấu tranh, mất mát và khát vọng hòa bình của dân tộc. Kết quả góp phần mở rộng hướng nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trong bối cảnh điện ảnh, nơi ngôn từ và hình ảnh cùng kiến tạo ý nghĩa, đồng thời khẳng định sức mạnh của ẩn dụ như công cụ nhận thức và biểu đạt tinh thần nhân văn Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Galaxy Studio. (2025, July 27). Còn gì đẹp hơn [Video]. YouTube. <https://www.youtube.com/watch?v=-nJ0WHEetsQ>
- [2]. Group, P. (2007). MIP: A Method for Identifying Metaphorically Used Words in Discourse. *Metaphor and Symbol*, 22(1), 1-39. <https://doi.org/10.1080/10926480709336752>.
- [3]. Kövecses, Z. (2006). *Language, mind, and culture: A practical introduction*. Oxford University Press.
- [4]. Kövecses, Z. (2010). Metaphor and culture. *Acta Universitatis Sapientiae, Philologica*, 2(2), 197-220.
- [5]. Kress, G., & Van Leeuwen, T. (2006). *Reading images: The grammar of visual design*. Routledge.
- [6]. Lakoff, G., & Johnson, M. (1980). *Metaphors we live by*. University of Chicago Press.
- [7]. Nguyễn, T. B. H. (2014). Ẩn dụ định hướng trong ca từ Trịnh Công Sơn dưới góc độ Ngôn ngữ học Tri nhận: “BUỒN LÀ HƯỚNG XUỐNG”. *Ngôn Ngữ & Đời Sống*, (3)(221), 17-22.
- [8]. Nguyễn, T. T. H. (2009). *Mô hình ẩn dụ cấu trúc trên cú liệu ca từ Trịnh Công Sơn* [Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh].

CONCEPTUAL METAPHORS IN OST OF MƯA ĐỎ FILM

Dang Thi Thanh Huong¹

Abstract: *This study investigates the use of conceptual metaphors in the Vietnamese war film soundtrack *Còn Gì Đẹp Hơn* (Nothing More Beautiful), the official theme song of *Mưa Đỏ* (Red Rain). Drawing on Conceptual Metaphor Theory (Lakoff & Johnson, 1980) and subsequent developments by Kövecses (2006, 2010) regarding embodiment, cultural grounding, and contextual variation, the research analyzes how the lyrics metaphorically construct notions of war, sacrifice, peace, and life. The dataset comprises verified and line-segmented lyrics. The Metaphor Identification Procedure (Group, 2007) was applied to systematically identify, categorize, and interpret metaphorical expressions within the song's cultural-historical context. Findings reveal four dominant conceptual metaphors: War is a journey, Sacrifice is sowing, Peace is light, and Life is a song. These metaphors reflect both universal embodied schemas (movement, perception, agriculture, sound) and culturally specific models rooted in Vietnamese traditions, such as collectivism, agrarian life, and filial piety. The song thus functions as a symbolic discourse that reconfigures personal loss into a collective narrative of national memory, hope, and rebirth. Compared to previous studies on metaphor in Vietnamese music and literature, this research affirms the persistent significance of maternal imagery and natural symbolism while introducing journey and musical metaphors as narrative devices that emphasize shared sacrifice. Ultimately, the study underscores the role of war soundtracks as cultural texts that preserve memory and shape national identity through metaphor.*

Keywords: *conceptual metaphor, Vietnamese war film, soundtrack, *Còn Gì Đẹp Hơn**

¹ University of Economics - Technology for Industries